TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2020

V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời và ông Mai Hồ Hải Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 05/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03/4/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc Tr**, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô C2-3 Phạm Văn X, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Chung cư N, tầng 6, phòng 602 đường Chu Huy M, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh T. Hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn,vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm và suy nghĩ của mỗi người về cuộc sống nói chung, về việc xây dựng, chăm lo, phát triển gia đình nói riêng không thống nhất với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với ông T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ty N, sinh ngày 17/01/2013 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 08/7/2015. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T không có.

** Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 24/12/2019 ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vợ chồng chúng tôi không có mâu thuẫn gì xảy ra nên việc vợ tôi có đơn xin ly hôn tôi, tôi không đồng ý và mong muốn vợ rút đơn để đoàn tụ với gia đình.

Do mong muốn được đoàn tụ nên các vấn đề khác tôi không đề cập đến.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục

quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà Tr chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông T không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà Tr và ông T đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn ông T.

Về con chung: Giao cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ty N, sinh ngày 17/01/2013 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 08/7/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trần Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh T, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Tr là do tính cách, quan điểm và suy nghĩ của mỗi người về cuộc sống nói chung, về việc xây dựng, chăm lo, phát triển gia đình nói riêng không

thống nhất với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn T.

Còn ông T cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra và mong muốn vợ đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc gia đình.

HĐXX xét yêu cầu đoàn tụ của ông T thì thấy: Trong những phiên hòa giải tại Tòa, ông T đều không có mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Điều này thể hiện ông không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình nên yêu cầu xin được đoàn tụ của ông không được chấp nhận. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông T là phù hợp. Còn ông T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến. Do đó, cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

Về con chung: Bà Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ty N, sinh ngày 17/01/2013 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 08/7/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay 02 cháu đang sống ổn định với mẹ nên để tránh việc làm xáo trộn môi trường sống của các cháu, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của bà T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông T không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" của bà Trần Thị Ngọc Tr đối với ông Nguyễn Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc Tr được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc Tr đối với ông Nguyễn Văn T nên giấy chứng nhận kết hôn số 80 do UBND xã Hải B, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh H cấp ngày 30/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ty N, sinh ngày 17/01/2013 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 08/7/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Trần Thị Ngọc Tr phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 8318 ngày 24/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh